

TUYỂN SINH HỌC KÌ MÙA XUÂN THÁNG 3 NĂM 2020

KYUNGPOOK NATIONAL UNIVERSITY

ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN NGOẠI QUỐC





MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK

- 03 [1](#) Lịch sử trường
- 03 [2](#) Tổng quan
- 03 [3](#) Vị thế
- 03 [4](#) Các ngành được chuyên môn hóa

II. HƯỚNG DẪN LÀM HỒ SƠ NHẬP HỌC

- 04 [1](#) Lịch trình tiếp nhận hồ sơ và tuyển chọn
- 05 [2](#) Ngành học và số lượng tuyển sinh
- 08 [3](#) Điều kiện ứng tuyển
- 09 [4](#) Tiến trình tuyển sinh
- 09 [5](#) Hồ sơ đăng ký
- 10 [6](#) Phí đăng ký
- 10 [7](#) Điểm cần lưu ý
- 11 [8](#) Học bổng
- 12 [9](#) Học phí
- 12 [10](#) Chi phí sinh hoạt
- 12 [11](#) Liên hệ

III. PHỤ LỤC

- 13 [1](#) Hợp pháp hóa lãnh sự (dấu tím)
- 14 [2](#) Địa chỉ trang web của các khoa
- 15 [3](#) VỊ TRÍ VÀ SỐ ĐIỆN THOẠI VĂN PHÒNG CÁC KHOA

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK

1 Lịch sử trường

- Năm 1946 được công nhận là trường Đại học quốc gia (Đại học sư phạm Daegu, Đại học y Daegu, Đại học nông nghiệp Daegu.)
- Năm 1951 đổi tên thành trường đại học quốc gia Kyungpook (gồm khối ngành đại học sư phạm, đại học y, đại học nông nghiệp, khối ngành vật lý, đại học luật)
- Năm 1953 thiết lập chương trình Cao học.
- Tính đến thời điểm hiện tại năm 2019, trường hiện có 17 khối đại học, 68 khoa (26 hệ chia nhỏ), 11 khối cao học.

2 Tổng quan khuôn viên trường.

- Gồm 4 cơ sở:



Main Campus



Sang-ju Campus



Medical Town



Medical Campus

- 17 khối đại học, 68 khoa, 11 khối cao học, 124 cơ sở nghiên cứu
- Tổng số lượng sinh viên có tên là 37322 người, trong đó sinh viên đại học là 30719 người, sinh viên cao học là 6603 người.
- Giáo sư tiền nhiệm 1180 người, nhân viên gồm 1194 người, tổng số sinh viên tốt nghiệp là 235003 người.

3 Vị thế

- 5 năm liên tiếp được bộ giáo dục công nhận là cơ quan quản lý và duy trì tốt chương trình giáo dục đào tạo quốc tế hóa (3/2015~2/2020)
- Năm 2018, đứng thứ 6 toàn quốc trong tổng 30 trường đại học trong nước nổi tiếng là cái nôi của những giám đốc kinh doanh đại tài.
- Năm 2018 xếp hạng 1 trong nước về đào tạo lĩnh vực khoa học xã hội, hạng 1 các trường công lập, vị trí thứ 8 trong nước, là một trong số ít những trường đại học có tỉ lệ luận văn là 1%-chiếm vị trí cao trong “bảng xếp hạng các trường đại học trên toàn thế giới”
- Năm 2018 xếp hạng 1 trong những trường đại học công lập tốt nhất toàn cầu theo tờ báo US NEWS AND WORLD REPORT, hạng 10 toàn quốc, vị trí thứ 5 trong nước về đào tạo khối ngành nông nghiệp và vật lý, hạng 121 trên toàn thế giới về bộ môn đánh giá nghiên cứu khu vực, hạng 233 thế giới bộ môn hợp tác nghiên cứu quốc tế
- Năm 2017 xếp hạng 1 trường đại học công lập theo đánh giá các trường đại học của trung tâm xếp hạng các trường đại học thế giới.
- Năm 2017 xếp vị trí thứ 1 trong nước được 500 trường đại học công lập theo đánh giá của trường đại học Shanghai Jiao Tong.

4 Các khối ngành được chuyên môn hóa

Khối ngành	Khoa
Nhân văn	Xã hội học, Truyền thông báo chí, Địa lý, Văn kiện thông tin, Kinh tế nông nghiệp
Kỹ thuật công nghiệp	Công nghệ điện tử, Máy vi tính, Kiến trúc, Khoa học máy móc, Khoa học công nghệ vải sợi, Khoa học nguyên nhiên liệu mới, Khoa học hóa học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học công nghệ nano, Khoa học công nghệ IT, Khoa học công nghệ ô tô, Khoa học công nghệ máy móc vi mô
Khoa học tự nhiên	Vật lý, Khoa học sinh vật, Toán, hóa, Lâm vườn, Khoa học sinh vật học ứng dụng, môi trường, Công nghiệp thực phẩm nhà hàng, Khoa vật liệu vải sợi sinh học, Công nghệ thực phẩm
Nang khiếu nghệ thuật	Dệt và thiết kế thời trang

II. HƯỚNG DẪN LÀM HỒ SƠ NHẬP HỌC

1 LỊCH TRÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ

	MỤC	LỊCH TRÌNH	LƯU Ý
Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ online	Từ ngày: 28.10.2019. ~ 06.11.2019.(trước 6h)	http://en.knu.ac.kr (tiếng anh)
	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp	Từ ngày: 28.10.2019. ~ 08.11.2019.(trước 6h)	Sau khi đăng ký online, phải nộp đầy đủ những hồ sơ được ghi tại mục số 5 cho văn phòng tầng 6 Global Plaza
Duyệt hồ sơ		Từ ngày: 11.11.2019. ~ 18.11.2019.	Ứng viên không đủ điều kiện sẽ thông báo riêng
Phòng vấn	Nguyên vọng 1	Từ ngày: 19.11.2019. ~ 27.11.2019.	
	Nguyên vọng 2	Hạn cuối đến ngày: 06.12.2019.	áp dụng cho ứng viên không trúng tuyển nguyện vọng 1.
Tiếp nhận hồ sơ chứng minh tài chính		Hạn cuối đến ngày: 13.12.2019.	Áp dụng với ứng viên đã đỗ phỏng vấn.
Ban tuyển sinh trực tiếp duyệt hồ sơ		Kéo dài đến ngày: 18.12.2019.	
Nộp bổ sung bằng TOPIK		Hạn cuối đến ngày: 19.12.2019. (trước 6h)	Chỉ áp dụng cho ứng viên có mã thi phỏng vấn.
Thông báo ứng viên trúng tuyển		Dự định vào ngày: 20.12.2019.	Xác nhận kết quả qua Email hoặc vào trang chủ của phòng quan hệ quốc tế gp.ac.knu.kr .
Cấp giấy chứng nhận nhập học		Đầu tháng 1 năm 2020	
		- Đối với ứng viên đang cư trú tại Hàn: sẽ trực tiếp đến văn phòng phòng quan hệ quốc tế tầng 6 Global Plaza để nhận giấy và xác nhận thông tin. - Đối với ứng viên đang ở nước ngoài: Trường sẽ gửi giấy nhập học về địa chỉ được ghi trên đơn đăng ký nhập học.	
Nộp tiền học		Lần 1: đầu tháng 1. 2020. Lần 2: đến cuối tháng 2. 2020.	Thông báo sau khi có lịch trình cụ thể
Hạn nộp bằng, học bạ, kèm theo dấu hợp pháp hóa LSQ		Đến cuối tháng 2.2020.	



2 NGÀNH HỌC VÀ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ

1. Số lượng tuyển sinh: Dựa trên giới hạn của khoa (tuyển chọn đặc biệt ngoài số lượng sinh viên chính thức)

- Các khoa sau đây sẽ chọn số lượng hạn chế sinh viên mỗi học kỳ
 - ※ Khoa quản trị kinh doanh: khoảng 7 người, Khoa Kinh tế thông thương: khoảng 5 người
 - ※ Khoa Sư phạm ngữ văn Hàn: 3 người, Khoa Sư phạm sử: 1 người

2. NGÀNH HỌC

Cơ sở tại Daegu

Khối ngành	Học viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 「」 khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Anh
	Sử học	Triết học	Sử học	Triết học
	Ngôn ngữ văn học Pháp	Ngôn ngữ văn học Đức	Ngôn ngữ văn học Pháp	Ngôn ngữ văn học Đức
	Ngôn ngữ văn học Trung	Khảo cổ học & Nhân chủng học	Ngôn ngữ văn học Trung	Khảo cổ học & Nhân chủng học
	Ngôn ngữ văn học Nhật	Hán văn	Ngôn ngữ văn học Nhật	Hán văn
	Ngôn ngữ văn học Nga		Ngôn ngữ văn học Nga	
Khoa học xã hội	「Chính trị ngoại giao」	「Xã hội học」	Chính trị ngoại giao	Xã hội học
	「Địa lý học」	Thư viện và Khoa học thông tin	Địa lý học	Thư viện và Khoa học thông tin
	Tâm lý học	「Phúc lợi xã hội」	Tâm lý học	Phúc lợi xã hội
	Báo chí và truyền thông		Báo chí và truyền thông	
Khoa học tự nhiên	「Toán học」	「Vật lý học」	「Vật lý học」	Vật lý học
	「Hóa học」	「Công nghệ sinh học」	Hóa học	Công nghệ sinh học
	「Khoa học hệ thống địa cầu」	「Khoa học sinh vật」	Công nghệ sinh học	Thống kê
	「Thống kê」		Địa chất học/Khoa học Trái Đất(chuyên ngành học hệ thống địa cầu địa)	Địa chất học/Khoa học Trái Đất (chuyên ngành Thiên văn học)
			Địa chất học/Khoa học Trái Đất (chuyên ngành hải dương học)	
Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương
Kỹ thuật	Khoa học và kỹ thuật vật liệu mới	Kỹ thuật cơ khí	Khoa học kỹ thuật và Vật liệu mới(chuyên ngành Khoa học Vật liệu & Kỹ thuật Luyện kim)	Khoa học kỹ thuật và Vật liệu mới(chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng	Kiến trúc	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật xây dựng cầu đường
	Kỹ thuật xây dựng cầu đường	Kỹ thuật kiến trúc	Kỹ thuật kiến trúc	Kiến trúc
	「Công nghệ phân tử」	Kỹ thuật hệ thống dệt may	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành ứng dụng hóa học)	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành công nghệ hóa học)
	Khoa học môi trường	Công nghệ năng lượng	Công nghệ phân tử	Kỹ thuật hệ thống dệt may
			Khoa học môi trường	Công nghệ năng lượng
IT	Kỹ thuật điện tử	Khoa học máy tính	Kỹ thuật điện tử	Khoa học máy tính
	Kỹ thuật điện	Khoa học máy tính (kỹ thuật phần mềm)	Kỹ thuật điện	Khoa học máy tính (kỹ thuật phần mềm)
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	「Khoa học sinh học ứng dụng」	「Công nghệ thực phẩm」	Khoa học sinh học ứng dụng	Công nghệ thực phẩm

Khối ngành	Học viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 「」 khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	「Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan」	「Khoa học lâm vườn」	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan(Chuyên ngành lâm sản)
	「Khoa học nông nghiệp và đời sống」	「Khoa học sợi và vật liệu」	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan(Chuyên về kỹ thuật chăm sóc và tạo dáng cây)	Kỹ thuật nông nghiệp
	「Kinh tế nông nghiệp」		Khoa học nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông sản (Chuyên ngành kỹ thuật công nghiệp sản xuất nông sản)	Khoa học nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông sản (Chuyên ngành đất nông nghiệp)
			Khoa học vật liệu và sợi sinh học	Kinh tế nông nghiệp
Âm nhạc và nghệ thuật	Âm nhạc	「Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc」	Âm nhạc	Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc
	Thiết kế	Mỹ thuật	Mỹ thuật	
Sư phạm	Sư phạm ngữ văn Hàn	Sư phạm sử		
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em	May mặc	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành gia đình và trẻ em)	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành về trẻ em)
	「Dinh dưỡng thực phẩm」		May mặc	Dinh dưỡng thực phẩm
Hành chính công vụ	「Hành chính」		Hành chính	

CƠ SỞ SANGJU

Khối ngành	Học viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 「」 khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
Môi trường sinh thái	「Hệ thống sinh thái môi trường」	「Môi trường sinh thái và du lịch sinh thái(Sinh học sinh thái)」	Khọc môi trường sinh thái và tài nguyên sinh vật (Chuyên ngành tài nguyên môi trường thực vật)	Hệ thống sinh thái và môi trường (Chuyên ngành tài nguyên môi trường lâm nghiệp)
	「Giải trí và thể thao」	「Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Chuyên ngành du lịch sinh thái)」	Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Sinh học ứng dụng)	Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Du lịch sinh thái)
	「Kỹ thuật chăn nuôi」	「Công nghệ sinh học động vật」	Khoa học động vật thú/ ngựa	Giải trí và Thể thao
	「Khoa học động vật đặc thù/ ngựa」		Kỹ thuật chăn nuôi	Công nghệ sinh học động vật
Khoa học kỹ thuật	「Kỹ thuật phòng chống thiên tai」	「Cơ khí chính xác」	Kỹ thuật phòng chống thiên tai	Kỹ thuật kiến thiết môi trường
	「Kỹ thuật ô tô」	「Phần mềm」	Cơ khí chính xác	Kỹ thuật ô tô (Chuyên ngành kỹ thuật ô tô thân thiện với môi trường)
	「Công nghệ thực phẩm và dịch vụ thực phẩm」	Kỹ thuật công nghệ vật liệu nano	Kỹ thuật ô tô (Loại hình thông minh)	Phần mềm
	「Công nghệ kỹ thuật tổng hợp」	「Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)」	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm	Vật liệu Khoa học và kỹ thuật nano(Công nghệ năng lượng hóa)
		「Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Thiết kế thời trang)」	Vật liệu Khoa học và Kỹ thuật nano(Công nghệ vật liệu mới)	Công nghệ kỹ thuật tổng hợp (Hệ thống vệ tinh hàng không)
			Công nghệ kỹ thuật tổng hợp (Hệ thống thiết bị máy móc công trường)	Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Thiết kế thời trang)
			Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)	

※ Lưu ý

- Đa phần các tiết học sẽ được giảng dạy bằng tiếng Hàn, 1 số khoa giảng dạy bằng tiếng Anh, (học viên muốn học bằng tiếng Anh trực tiếp đến văn phòng của khoa để tư vấn riêng)
- Học viên mới nhập học có thể đăng ký được nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2. Các khoa được đăng ký nguyện vọng 2 được ký hiệu bằng dấu "인" **in đậm** trong danh sách trên. (Học viên chuyển tiếp không thể đăng ký nguyện vọng 2.)
- Khoa kiến trúc (Chuyên ngành kiến trúc học) **5 năm**)
- Học viên đang theo học tại các khoa Kỹ thuật công nghiệp, Khoa công nghệ thông tin (IT) và chuyên ngành Công nghiệp sinh vật- đất nông nghiệp trực thuộc, khối Đại học khoa học nông nghiệp và đời sống phải hoàn thành chương trình ABEEK (chương trình chứng nhận đào tạo công nghệ kỹ thuật). Học viên chuyển tiếp có thể mất một, hai học kỳ hoặc lâu hơn tùy thuộc vào chế độ điểm số đã học tại trường cũ.
 ※ Tuy nhiên, các khoa Kỹ thuật điện tử, Máy tính (Chuyên ngành tổng hợp kỹ thuật phần mềm toàn cầu) thì không phải hoàn thành chương trình chứng nhận đào tạo khoa học kỹ thuật nói trên.
- Khoa Truyền thông báo chí: chỉ tuyển những học viên đang cư trú tại Hàn, có thể tham dự phỏng vấn tuyển chọn tại khoa.
- Các khoa Âm nhạc, Thiết kế và Mỹ thuật chỉ chấp nhận sinh viên mới trong học kỳ mùa xuân.
- Theo quy định tuyển sinh của khoa Sư phạm- theo quy định của bộ giáo dục, tỷ lệ nhận học viên quốc tế không thể vượt quá 10% tổng số sinh viên Hàn Quốc ứng tuyển vào khoa vào năm hằng năm, đối với ứng viên chuyển tiếp(chuyển trường) sẽ không đủ điều kiện để nộp đơn (chỉ nhận sinh viên mới nhập học).
- Bài thi khảo sát đầu vào của khoa âm nhạc

Chuyên ngành	Bản nhạc yêu cầu dự thi	Thời gian
Thanh nhạc	1. Ca khúc nhạc Ý(ca khúc tự do) -1 bản 2. Ca khúc nhạc Đức (ca khúc tự do) -1 bản	
Piano	1. Chọn 1 trong 3 bản: F. Chopin Etude Op.10, Op.25 2. Chọn 1 chương tiết tấu nhanh trong bản L. v. Beethoven Sonata (không lặp lại)	
Soạn nhạc	1. Thực hành sáng tác: viết bản nhạc Piano không lời có độ dài 3 phút trong khoảng thời gian quy định 2. Kỹ năng Piano: nhạc tự do: 1 bản	180 phút
Nhạc thính phòng	Trong Concerto chọn 1 bản nhạc tự do hoặc một chương có tiết tấu nhanh.	

- Tất cả các bài thi thực hành đều được thực hiện dưới hình thức không nhìn nhạc phổ và biểu diễn.
- Người đệm đàn cần đi cùng với thí sinh.
- Tất cả nhạc cụ ngoại trừ Piano thì thí sinh phải tự mình mang theo.
- Nếu có thắc mắc xin vui lòng liên hệ văn phòng khoa âm nhạc (số điện thoại:053-950-5656)



3 ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ

★★ Quy định chung với học viên mới nhập học và sinh viên chuyển tiếp: Điều kiện quốc tịch của học viên được xét duyệt tính đến ngày cuối cùng trong thời hạn nộp hồ sơ, đối với học viên có đa quốc tịch không thể đăng ký nhập học, tuyển chọn đặc biệt dành cho sinh viên ngoại quốc.

1. Sinh viên mới nhập học

- Ứng viên là sinh viên quốc tế có cha mẹ đều là công dân không phải người Hàn Quốc, đồng thời phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau: Phải hoàn thành hết cấp 1 (Tiểu học) và cấp 2 (Trung học cơ sở), cấp 3 (THPT) (hoặc ứng viên chuẩn bị tốt nghiệp trung học Phổ thông) của bộ giáo dục tại Hàn Quốc (bao gồm ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 2 năm 2020).
- ※ Trong các chương trình đào tạo cấp bậc giáo dục Trung học phổ thông, trường không nhận định cho các chương trình đào tạo không chính quy như: chế độ thi vượt cấp (trong và ngoài nước), giáo dục tại gia, giáo dục từ xa (online) v.v

2. Sinh viên chuyển tiếp

- A. Chuyển tiếp đại học:** Cha mẹ đều không phải người Hàn Quốc Tốt nghiệp đại học chính quy hệ 4 năm trong hoặc ngoài nước và có bằng đại học (bao gồm những ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 2 năm 2020)
- B. Chuyển tiếp thông thường :** Cha mẹ đều không phải người Hàn Quốc, những ứng viên tốt nghiệp Trường đại học chuyên nghề trong và ngoài nước hệ 2 năm hoặc ba năm (bao gồm cả những ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 2 năm 2020) hoặc những ứng viên đang học tại đại học hệ 4 năm nhưng đã học được 2 năm trở nên (4 kỳ học) và học hết trên 70 tín chỉ
- ※ Ứng viên theo học tại những trường đại học hệ 3 năm mà đã học được 2 năm thì không thể đăng ký.
- ※ Những ứng viên theo học tại những trường đại học không có chế độ tín chỉ thì không thể đăng kí nhập học chuyển tiếp

3. Năng lực ngoại ngữ

- A. Học viên muốn nộp hồ sơ nhập học một trong 10 ngành sau PHẢI nộp bằng TOPIK (năng lực tiếng Hàn) trước ngày 08. 11. 2019.**
- ※ Không chấp nhận phiếu dự thi TOPIK

Khoa	Yêu cầu TOPIK
■ Truyền thông báo chí	Chứng chỉ TOPIK 3 trở lên
■ Địa lý	
■ Kinh tế thông thương	
■ Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên
■ Ngôn ngữ văn học Anh	
■ Triết học	
■ Sư phạm ngữ văn Hàn	
■ Phúc lợi xã hội	
■ Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên hoặc hoàn thành cấp 6 tiếng Hàn tại Viện ngôn ngữ của trường Đại học quốc gia KyungPook
■ Hành chính	Chứng chỉ TOPIK 3 trở lên 3 hoặc hoàn thành cấp 4 tiếng Hàn tại Viện ngôn ngữ của trường Đại học quốc gia KyungPook

B. Ngoại trừ 10 khoa trên ứng viên cần đáp ứng một trong những yêu cầu về trình độ ngôn ngữ sau:

- ① Chứng chỉ tiếng Hàn : Chứng chỉ TOPIK cấp độ 3 trở lên
- ※ Các ứng viên tham gia kỳ thi TOPIK lần thứ 66, 67 có thể nộp phiếu dự thi, nhưng vẫn phải nộp chứng chỉ cấp 3 trở lên trước ngày 19 tháng 12 năm 2019
- ② Trình độ tiếng Hàn: Chứng chỉ hoàn thành cấp 3 trở lên tại Học viện Ngôn ngữ Hàn Quốc của một trường đại học trong nước.
- ③ Nếu bạn có khả năng ngôn ngữ Hàn, nhưng không có bằng chứng chỉ tiếng hàn, học viên có thể nộp kèm theo chứng chỉ trình độ tiếng Anh TOEFL 530 (T 197, iBT 71), IELTS 5.5, TEPS 600, CEFR B2 và TOEIC 700 trở lên)

4 Lịch trình tuyển sinh

1. Tiếp nhận hồ sơ

A. Tiếp nhận hồ sơ online

- ① Thời hạn : 28.10.2019 ~ 06.11.2019.(trước 6h)
- ② Địa chỉ đăng ký: Trang chủ viện giao lưu quốc tế (<http://gp.knu.ac.kr>) - mục nhập học dành cho sinh viên người nước ngoài- tuyển chọn đặc biệt dành cho sinh viên ngoại quốc.
- ③ Số báo danh : Sau khi đăng ký online, hệ thống sẽ tự động cấp cho học viên.

B. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp

- ① Thời hạn : 28.10.2019. ~08.11.2019.(trước 6h)
- ② Nơi tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng giao lưu quốc tế, tòa nhà Global Plaza, tầng 6 phòng 608
- ③ Quy trình nộp hồ sơ: Sau khi hoàn thành đăng ký online, học viên in giấy đăng ký nhập học và nộp cùng với những hồ sơ được yêu cầu (tham khảo thêm tại mục số “5: hồ sơ cần nộp”) Nộp hồ sơ chứng minh tài chính chỉ áp dụng đối với ứng viên đã đỗ vòng thi phỏng vấn.

2. Kiểm duyệt hồ sơ

A. Thời gian kiểm duyệt : từ ngày 11.11.2019.~18.11.2019.

B. Phương thức tuyển chọn : Học viên phải là người ngoại quốc, học viên có đủ điều kiện đăng ký hay không, hồ sơ bao gồm học lực, trình độ học vấn, năng lực ngoại ngữ sau đó sẽ đưa ra quyết định cho những học viên phù hợp và không phù hợp.

3. Trực tiếp tuyển chọn tại Khoa (thông qua phỏng vấn)

A. Thời gian :

- ① Thi phỏng vấn nguyện vọng 1 : từ ngày 19.11.2019.~27.11. 2019.
- ② Thi phỏng vấn nguyện vọng 1 : Hạn cuối ngày 06.12.2019.

B. Phương thức phỏng vấn : Tùy theo khoa sẽ điện thoại hoặc phỏng vấn trực tiếp.

- ① Khoa sẽ thông báo trước ngày và địa điểm thi phỏng vấn.
- ② Chỉ thực hiện phỏng vấn nguyện vọng 2 đối với học viên trượt nguyện vọng 1.

4. Thông báo kết quả đỗ

A. Dự định thông báo ngày : 20.12.2019.

B. Xem kết quả tại trang chủ của Văn phòng giao lưu quốc tế: (<http://gp.knu.ac.kr>) hoặc trường sẽ thông báo qua Email của mỗi cá nhân.

5 Hồ sơ cần nộp

1. Chuẩn bị hồ sơ

Hồ sơ	Mới nhập học	Chuyển tiếp	Lưu ý
① Đơn đăng ký nhập học	○	○	Sau khi học viên hoàn thành đăng ký online, in giấy đăng ký và nộp cùng các hồ sơ khác
② Giấy giới thiệu bản thân và bản kế hoạch học tập	○	○	Áp dụng theo mẫu (download) trên trang homepage.
③ Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc giấy tốt nghiệp tạm thời)	○	○	Nộp bằng, học bạ gốc cùng với bản dịch công chứng.
④ Học bạ THPT (cả 3 năm học)	○	○	
⑤ Bằng tốt nghiệp hệ Đại học	×	○	Nộp bằng điểm gốc cùng với bản dịch công chứng, để so sánh điểm của các môn và các năm.
⑥ Bảng điểm hệ Đại học	×	○	
⑦ Bảng chứng nhận ngôn ngữ tiếng Anh tiếng Hàn (IELTS, TOPIK...) * Chỉ chấp nhận bằng chứng nhận còn thời hạn (được cấp sau ngày 08.11.2017)	○	○	Bảng còn thời hạn 2 năm gần đây
⑧ Giấy chứng nhận hoàn thành học tiếng Hàn (hoặc giấy chứng nhận đang theo học, bảng điểm tại viện ngôn ngữ đào tạo tiếng Hàn)	△	△	Bắt buộc phải nộp giấy chứng chỉ học tiếng tại Hàn Quốc
⑨ Phô tô hộ chiếu	○	○	
⑩ Phô tô thẻ cư trú người ngoại quốc (cả mặt trước và mặt sau)	△	△	Chỉ áp dụng cho ứng viên đang cư trú tại Hàn Quốc
⑪ Hộ khẩu, CMT của bản thân, CMT của bố mẹ, giấy khai sinh	○	○	Tham khảo mục chú ý dưới đây

※ **Chú ý**

- ① Hồ sơ hộ khẩu để đối chiếu chứng minh quan hệ gia đình
- Hồ sơ có thể chứng minh được quan hệ gia đình và quốc tịch của học viên và cha mẹ:

<Hồ sơ chứng nhận quan hệ gia đình>

**Đối với sinh viên Việt Nam :
Số hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh.**

- ② Các sinh viên đăng ký vào khoa Thiết kế- thuộc khối đại học nghệ thuật phải nộp giấy chứng nhận đã hoàn thành khoá học tiếng Hàn tại viện ngôn ngữ đào tạo tiếng Hàn (thời hạn theo học tối thiểu 1 năm) và bản Portfolio(tập hồ sơ cho thấy năng lực, kinh nghiệm, các tác phẩm của bản thân) gồm ít nhất 10 tờ A4
- ③ Bảng tốt nghiệp bản gốc sẽ được trả lại cho sinh viên sau khi kết thúc tuyển chọn hồ sơ.
- ④ Hồ sơ bản gốc tiếng Việt bắt buộc phải dịch sang tiếng Anh hoặc Hàn phải kèm theo bản chứng nhận công chứng người dịch.
- Tính từ ngày nộp, chỉ chấp nhận các hồ sơ công chứng còn hạn trong vòng 6 tháng

2. Hồ sơ chứng minh tài chính

A. Dành cho : Học viên đồ phòng vấn của khoa

B. Thời hạn nộp : Từ ngày thông báo kết quả cho đến hạn cuối là 13.12.2019.

C. Hồ sơ cần nộp : Phải đáp ứng đủ một trong ① , ② , ③ điều kiện sau đây:

- ① Chính minh tài chính: Nếu ứng viên tự chứng minh tài chính.
• Phải nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của bản thân số tiền dư trong tài khoản phải ít nhất 18.000 USD.
※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên đối với các loại giấy tờ có thời hạn liên quan được ghi trên giấy chứng minh số dư ngân hàng, thì nhà trường chỉ chấp nhận những loại giấy tờ đó là có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trên giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp)
- ② Chính minh tài chính Nếu người bảo lãnh tài chính là cha mẹ:
• Phải nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của cha mẹ số tiền dư trong tài khoản phải 18.000 USD.
※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên đối với các loại giấy tờ có thời hạn liên quan được ghi trên giấy chứng minh số dư ngân hàng, thì nhà trường chỉ chấp nhận những loại giấy tờ đó là có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trên giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp).
- Bản gốc Giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận thu nhập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận nộp thuế từ người bảo lãnh tài chính (cha mẹ).
- ※ Chấp nhận giấy tờ được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp
- ※ Với trường hợp cha mẹ mất(vắng mặt), anh chị em ruột có thể đứng ra bảo lãnh tài chính, trường hợp còn cha mẹ thì rất hạn chế trong việc chấp nhận đối tượng không phải là cha mẹ mà là người khác.
- ③ Giấy chứng nhận học bổng từ tổ chức khác:

- Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc cơ quan tổ chức quốc gia của mình
- Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ tổ chức khác:
※ Nếu tổng số tiền học bổng hoặc quỹ hỗ trợ dưới 18.000 USD, ứng viên sẽ phải bổ sung số tiền chứng minh tài chính còn lại ở mục ① hoặc ② được đề cập trên đây.

3. Hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự:

A. Đối tượng : Học viên đã vượt qua cả vòng duyệt hồ sơ và phỏng vấn

B. Thời hạn nộp : Hạn cuối đến tháng 2 năm 2020 (trước khai giảng)

※ Nếu không nộp hồ sơ đúng thời hạn, sẽ bị hủy nhập học

C. Hồ sơ cần nộp:

* Học viên chọn một trong hai cách dưới đây để nộp hồ sơ:

- (1) Apostille: bảng điểm và bảng tốt nghiệp bắt buộc phải xin dấu hợp pháp hóa bộ ngoại giao và Đại sứ quán (hoặc tổng lãnh sự quán) Hàn Quốc tại Việt Nam.
- (2) Xin dấu hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
- ※ Chỉ áp dụng với đối tượng tốt nghiệp các trường học ở Việt Nam, không áp dụng với các học viên tốt nghiệp từ các trường học ở Hàn Quốc

6 Phí đăng ký tuyển sinh:

1. Phí đăng ký: 60.000 won

2. Cách thanh toán:

- A. Phí nộp hồ sơ được thanh toán online thông qua hệ thống nhập thông tin đăng ký.
※ Vui lòng tham khảo các hướng dẫn cách thanh toán khi đăng ký online.
- B. Nếu phí nộp đơn đăng ký không được thanh toán trong thời gian đăng ký, đơn đăng ký sẽ tự động bị hủy.
- C. Sau khi đã nộp phí, ứng viên sẽ nhận được mã số học sinh (số báo danh). Sau khi in giấy đăng ký, hệ thống tự động hoàn thành đăng ký, khi đã in giấy đăng ký ứng viên sẽ không thể sửa đổi nội dung đơn đăng ký online.

7 Hồ sơ cần lưu ý

1. Tất cả các hồ sơ dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh, bản dịch phải kèm theo bản công chứng và nhân viên dịch.
2. Nếu hồ sơ bị phát hiện là giả, sẽ bị hủy nhập học, vì đó là hành vi sai với luật và quy định
3. Đối với các ứng viên đã tốt nghiệp, nhưng mới chỉ nộp giấy tốt nghiệp tạm thời thì cần phải nộp bằng nghiệp bản gốc cho văn phòng giao lưu quốc tế trước ngày 28 tháng 2 năm 2020. Nếu ứng viên không nộp đúng thời hạn sẽ bị hủy nhập học.
4. Văn phòng giao lưu quốc tế sẽ không chịu trách nhiệm về việc

hủy đăng ký nhập học do ứng viên không nhận được các thông báo hướng dẫn quan trọng với các lý do như liên lạc bị đứt đoạn hoặc ghi sai số điện thoại, địa chỉ v.v trên đơn đăng ký nhập học.

5. Nếu visa của học viên nộp không được cấp hoặc bị từ chối do các cơ quan có thẩm quyền nên không thể nhập cảnh thì nhà trường sẽ áp dụng hủy nhập học cho du học sinh đã đỗ kỳ thi tuyển.
6. Học viên nhận được học bổng trên 18000 đô la Mỹ từ một tổ chức khác không bắt buộc phải nộp giấy chứng nhận bảo lãnh tài chính; tuy nhiên, phải nộp giấy chứng nhận / thư xác nhận từ tổ chức trao học bổng, trợ cấp học phí trong suốt thời gian theo học tại trường.
7. Trường sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đã nộp, (chỉ hoàn trả lại bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp.)
8. Vui lòng hoàn thành đăng ký hồ sơ online sớm nhất có thể trước ngày hết hạn, vì ngày hạn cuối nhiều học viên đăng ký có thể dẫn tới tình trạng mạng online bị nghẽn.
9. Trường hợp ứng viên được nhà trường đánh giá là không đủ năng lực học tập cũng có thể bị loại khi xét tuyển.
10. Sinh viên nước ngoài được nhận vào trường đại học hoặc theo học tại KNU đóng bảo hiểm y tế trong nước (bảo hiểm Việt Nam) hoặc bảo hiểm y tế của Hàn Quốc.
11. Những điều khoản không được ghi tại bản hướng dẫn làm hồ sơ nhập học này sẽ được đưa ra quyết định sau bởi quỹ giao lưu quốc tế của nhà trường.
12. Bản hướng dẫn nhập học cho sinh viên nước ngoài có bản tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn và tiếng Việt, nên khi biên dịch có thể có sự khác biệt nhỏ giữa các bản dịch, tuy nhiên đều là được dịch từ bản gốc tiếng Hàn của trường, các bạn có thể tham khảo bản gốc.

8 Chế độ học bổng

1. Học bổng TOPIK cho sinh viên chuyển tiếp và sinh viên mới:

- A. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 3: giảm 20% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- B. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 4: giảm 40% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- C. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 5, 6: giảm 80% học phí cho học kỳ đầu tiên.

2. Học bổng TOPIK cho sinh viên đang theo học:

Những sinh viên mới có TOPIK cấp 3 hoặc thi được TOPIK cấp 4 trở lên có thể nhận được học bổng bằng tiền mặt trị giá 500.000won (Lưu ý học bổng chiáp dụng một lần)

3. Học bổng thành tích học tập xuất sắc (sinh viên đang theo học, đánh giá dựa trên thành tích học kỳ trước)

- A. Top 7% sinh đứng đầu trong tổng số sinh viên ngoại quốc nhận được học bổng 80% cho học kỳ sau.
- B. Top 30% sinh trong tổng số sinh viên ngoại quốc nhận được học bổng 20% cho học kỳ sau.

4. Học bổng trợ cấp sinh hoạt phí : Cho sinh viên đăng ký ở ký túc xá sẽ được miễn phí phòng ký túc xá cho học kỳ đầu tiên. (không bao gồm tiền ăn) ※ Tùy theo quy định của nhà trường sẽ có thể hỗ trợ những học viên được ở tại ký túc xá.



9 HỌC PHÍ(THEO KỲ) (Theo tiêu chuẩn năm 2019)

CƠ SỞ	Khối ngành	Khoa	Học phí(won)	CƠ SỞ	Khối ngành	Khoa	Học phí(won)
DAEGU	Nhân văn	Các khoa khác	₩1,781,000	DAEGU	Khoa học xã hội	Các khoa	₩1,819,000
		Khảo cổ học & nhân chủng học	₩1,828,500		Nghệ thuật	Các khoa	₩2,410,000
	Khoa học tự nhiên / Khoa học công nghệ sinh thái	Các khoa	₩2,179,000			Mỹ thuật	₩2,470,000
	Kinh tế & Quản trị kinh doanh / Hành chính	Các khoa	₩1,754,000	SANGU	Khoa học sinh thái & môi trường	Các khoa	₩2,179,000
	Khoa học công nghệ / IT	Các khoa	₩2,331,000			Khoa học sinh thái & môi trường (Du lịch sinh thái)	₩1,781,000
	Khoa học nông nghiệp & đời sống	Các khoa	₩2,179,000		Khoa học kỹ thuật	Các khoa	₩2,331,000
		Kinh tế nông nghiệp	₩1,781,000			Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm	₩2,179,000

※ Chi phí ghi trên có thể thay đổi

10 PHÍ KÝ TÚC XÁ (TIÊU CHUẨN NĂM 2019)

Phí quản lý & Phí ăn		SỐ TIỀN(WON)				Ghi chú
		Học kỳ1	Học kỳ2	Kì nghỉ đông	Kì nghỉ hè	
Phí quản lý	2 người/ 1 phòng	₩500,000	₩487,000	₩237,000	₩338,000	
Phí ăn(1 ngày 3bữa)		₩784,300	₩736,000	₩466,900	₩404,800	Có thể lựa chọn số bữa (1~3 bữa/ngày)

① Chi phí ghi trên có thể thay đổi

② Homepage kí túc xá: <http://dorm.knu.ac.kr> (Daegu)
<http://dorm.knu.ac.kr/scdorm> (Sangju)**11 Mọi thắc mắc liên hệ:****1. Phụ trách:** cô Hyunju Seo, văn phòng lưu quốc tế.**2. Địa chỉ:** số 80 Daehak-ro, Buk-gu, thành phố Daegu, Hàn Quốc

Văn phòng giao lưu quốc tế, trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK, phòng 608, tòa nhà Global Plaza/ số bu chính: 41566

3. Điện thoại: Tel) 053-950-2434, Fax) 053-950-2419, Email) globalhj@knu.ac.kr**4. Thời gian làm việc:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, từ 9 giờ sáng đến 6 giờ tối (thời gian nghỉ trưa từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều)**5. Trang chủ trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK:**- <http://www.knu.ac.kr> (tiếng Hàn) <http://en.knu.ac.kr> (tiếng Anh)**6. Trang chủ trường văn phòng giao lưu quốc tế Đại học quốc gia KYUNGPOOK:** <http://gp.knu.ac.kr>

III. THAM KHẢO

1 Apostille

Apostille là gì:?

- 1. Hiệp ước Apostille:** Trong những quốc gia tham gia hiệp ước, để dễ dàng hơn trong việc chứng thực các loại công văn giữa các quốc gia, nước ban hành công văn đã đưa ra hiệp ước Apostille với nội dung chủ yếu là xác thực(hợp pháp hóa lãnh sự) công văn giữa các quốc gia thành viên, thay thế loại bỏ các hồ sơ chứng thực phức tạp như xác thực lãnh sự của cơ quan nước ngoài.
- Tên chính thức: Convention Abolishing the Requirement of Legalization for Foreign Public Document (Hiệp ước loại bỏ yêu cầu hợp pháp hóa đối với công văn nước ngoài)

2. Phương thức cấp:

A. Công văn (các trường quốc gia, công lập)



B. Tài liệu từ(các trường tư)



3. Cơ quan cấp: Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định bởi chính phủ quốc gia tương ứng.

- ※ Trường hợp tại Hàn Quốc thì cơ quan có thẩm quyền là bộ ngoại giao.
- ※ Thông tin các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Apostille theo từng quốc gia, vui lòng tham khảo tại www.hcch.net - Apostille Section

4. Tổng quan về các nước tham gia hiệp ước: Tổng 117 quốc gia

Khu vực	Tên quốc gia
CHÂU Á, CHÂU ĐẠI DƯƠNG (24 quốc gia)	Niu Di-lân, Niue, Quần đảo Marshall, Mông Cổ, Cộng hòa Vanuatu, Bahrain, Nước Brunei, Samoa, Ác-mê-ni, Oman, Uzbekistan, Israel, Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Kazakhstan, Quần đảo Cook, Kyrgyzstan, Tajikistan, Tonga, Fiji, Hàn Quốc, Úc,Phi-líp-pin
Châu Âu (48 quốc gia)	Hy Lạp, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Latvia, Nga,Rumania ,Luxemburg, Lithuania, Liechtenstein, Cộng hòa Macedonia, Công quốc Monaco, Xô Viết Moldavia, Đảo quốc Malta, Bi, Cộng hòa Belarus, Liên bang bosna va hercegovina, Bun-ga-ri, Cộng hòa Samarino, Serbia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc, Slovenia, Ai-xơ-len, Ai-len, Azerbaijan, Andorran, Albania, Kroon Estonia, Anh, Áo, Ukraina, Ý, Gruzia, Cộng hòa Séc, Kosovo, Croatia, Cộng hòa Síp, Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha,Ba Lan, Pháp, Phần Lan, Hungary
Bắc Mỹ(1 quốc gia) Trung Nam Mỹ (30 quốc gia)	Mỹ, Leptotila Wellsi, Ni-ca-ra-go, Cộng hòa Dominica, Mê-xi-cô, Barbados, Bahamas, Venezuela, Belize, Brazil, Saint Lucia,Saint Vincent Grenadines, Sint Ktts Nevis,Suriname, Ác-hen-ti-na, Ars Antiqua, Ê-cu-a-đo,ElSalvador, cộng hòa Honduras U-ru-guay,Costa Rica, Colombia, Trinidad Tobago, Panama, Paraguay, Peru, Bolivia, Chilê, Guatemala,Cộng hòa Guyana,
Châu Phi (14 quốc gia)	Namibia, Cộng hoà Nam Phi, Liberia, Lesotho, Malawi, Ma rốc, Mauritius, Botswana, Burundi, Sao Tome và Príncipe, Seychelles, cộng hòa Swaziland, Cabo Verde, Tunisia

2 Địa chỉ trang chủ các khoa

Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)	Homepage
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	http://korean.knu.ac.kr/(tiếng hàn) http://korean.knu.ac.kr/eng/(tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Anh	http://english.knu.ac.kr/index.htm/(tiếng hàn) http://english.knu.ac.kr/english/index.htm/(tiếng hàn)
	Sử học	http://khistory.knu.ac.kr/(tiếng hàn) http://knuhistory.cafe24.com/eng/(tiếng anh)
	Triết học	http://philosophy.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Pháp	http://france.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Đức	http://german.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Trung	http://chinese.knu.ac.kr/index.htm/(tiếng hàn) http://chinese.knu.ac.kr/eng/(tiếng anh)
	Khảo cổ học & Nhân chủng học	http://aran.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Nhật	http://japan.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Hán văn	http://hanmun.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
Xã hội	Ngôn ngữ văn học Nga	http://knurussian.kr/(tiếng hàn)
	Chính trị và ngoại giao	http://politics.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Xã hội học	http://socio.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Địa lý học	http://geog.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Tâm lý học	http://psy.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Văn kiện thông tin	http://lis.knu.ac.kr/(tiếng hàn) http://widiit.knu.ac.kr/lis/notice.cgi/(tiếng hàn)
	Phúc lợi xã hội	http://knusw.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Báo chí và truyền thông	http://masscom.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Toán học	http://math.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Vật lý	http://physics.knu.ac.kr/(tiếng hàn) http://physics.knu.ac.kr/eng/(tiếng anh)
Khoa học tự nhiên	Hóa học	http://chem.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Công nghệ sinh vật học	http://bio.knu.ac.kr/index.do/(tiếng hàn) http://bio.knu.ac.kr/en/index.do/(tiếng anh)
	Công nghệ sinh học	http://biotech.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất (chuyên ngành địa chất Trái đất)	http://geology.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất (chuyên ngành khí quyển và thiên văn)	http://hanl.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất (chuyên ngành hải dương học)	http://ocean.knu.ac.kr/(tiếng hàn)
	Thống kê	http://stat.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Kinh tế & Quản trị kinh doanh	http://econ.knu.ac.kr/index.php/(tiếng hàn, tiếng anh) http://econ.knu.ac.kr/en/index.php/(tiếng anh)
	Quản trị kinh doanh	http://biz.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới (chuyên ngành Khoa học Vật liệu mới & Kỹ thuật Luyện kim)	http://metal.knu.ac.kr/html/main.html/(tiếng hàn, tiếng anh) http://metal.knu.ac.kr/english/html/main.html/(tiếng anh)
Khoa học kỹ thuật	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới (chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử)	http://emse.knu.ac.kr/main/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật cơ khí	http://me.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành ứng dụng hóa học)	http://appchem.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành công nghệ hóa học)	http://chemeng.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kiến trúc	http://arch.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh)
	Công nghệ phân tử	http://polymer.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật hệ thống dệt may	http://textile-eng.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học môi trường	http://www.knuenv.or.kr/html/main.html/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Công nghệ năng lượng	http://energy.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	IT	http://see.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh) http://see.knu.ac.kr/eng/(tiếng anh, tiếng anh, tiếng anh)
IT	Kỹ thuật điện tử	http://computer.knu.ac.kr/main/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh) http://computer.knu.ac.kr/eng/main/index.html/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học máy tính	http://computer.knu.ac.kr/eng/main/index.html/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật điện	http://electric.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)

Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)	Homepage
Nghệ thuật	Âm nhạc	http://music.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc	http://kmusic.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Mỹ thuật	http://arts.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Thiết kế	http://vcd.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Sư phạm	Sư phạm ngữ văn Hàn	http://koredu.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Sư phạm sử	http://hisedu.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em	http://child.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	May mặc	http://fashion.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Dinh dưỡng thực phẩm	http://fsnu.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Hành chính công	Hành chính	http://puad.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	Khoa học sinh học ứng dụng (chuyên ngành môi trường sinh hóa học)	http://kac.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học sinh học ứng dụng (Chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật)	https://webbuild.knu.ac.kr/~pbs/index.htm/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kho học sinh học ứng dụng (Chuyên ngành sinh vật học ứng dụng)	http://agbl.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Công nghệ thực phẩm	https://kbuilder.knu.ac.kr/HOME/foodbio/index.htm/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan (Chuyên ngành lâm nghiệp)	http://forestry.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học vè rừng và chăm sóc tạo dáng cây (Chuyên ngành kỹ thuật lâm sản)	http://wood.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan (Chuyên ngành kỹ thuật chăm sóc tạo dáng cây)	http://land.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật nông nghiệp	http://horti.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học đất nông nghiệp và đời sống (Chuyên ngành đất đai nông nghiệp)	http://acen.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học đất nông nghiệp và đời sống (Chuyên ngành kỹ thuật công nghiệp sản xuất nông sản)	http://bime.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Sinh thái môi trường	Khoa học vật liệu và sợi sinh học	http://biofiber.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kinh tế nông nghiệp	http://agec.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Hệ thống sinh thái & môi trường (Chuyên ngành tài nguyên môi trường thực vật)	http://scplant.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Hệ thống sinh thái & môi trường (Chuyên ngành tài nguyên môi trường rừng)	http://forest.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Môi trường sinh thái & du lịch sinh thái (Sinh học ứng dụng)	http://abio.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Môi trường sinh thái & Du lịch sinh thái (Du lịch sinh thái)	http://ecotour.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh) http://sites.google.com/view/knutourism/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Giải trí và Thể thao	http://dols.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật chăn nuôi	http://ani.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Công nghệ sinh học động vật	http://anibotech.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Khoa học động vật thú/ ngựa	http://axt.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
Khoa học kỹ thuật	Kỹ thuật phòng chống thiên tai	http://disaster.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh) http://kimhs0090.wixsite.com/endisaster/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật kiến thiết môi trường	http://ue.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Cơ khí chính xác	http://pme.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh) http://sites.google.com/a/pmeatknu.com/pme_eng/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật ô tô	http://auto.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Phần mềm	http://se.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Công nghiệp thực phẩm nhà hàng	http://ffsi.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Vật liệu Khoa học và kỹ thuật nano	http://nanosj.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Hệ thống công nghệ kỹ thuật tổng hợp	http://cfse.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật dệt & Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)	http://textile.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)
	Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Thiết kế thời trang)	http://style.knu.ac.kr/(tiếng hàn, tiếng anh, tiếng anh)

3 VỊ TRÍ VÀ SỐ ĐIỆN THOẠI VĂN PHÒNG CÁC KHOA

Khố ngành	Khoa (chuyên ngành)		Vị trí	Số tòa nhà	Điện thoại (Vui lòng kèm mã vùng mở đầu với 053)
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc		Tòa nhân văn phòng 406	104	950-5106
	Ngôn ngữ văn học Anh		Tòa hệ cao học phòng 514	107	950-5120
	Sử học		Tòa hệ cao học phòng 419		950-5135
	Triết học		Tòa nhân văn phòng 410	104	950-5148
	Ngôn ngữ văn học Pháp		Tòa hệ cao học phòng 417		950-5159
	Ngôn ngữ văn học Đức		Tòa hệ cao học phòng 418		950-5169
	Ngôn ngữ văn học Trung		Tòa hệ cao học phòng 402		950-5178
	Khảo cổ học & Nhân chủng học		Tòa hệ cao học phòng 518	107	950-5186
	Ngôn ngữ văn học Nhật		Tòa hệ cao học phòng 415		950-6150
	Hán văn		Tòa hệ cao học phòng 404		950-6160
Xã hội	Ngôn ngữ văn học Nga		Tòa hệ cao học phòng 210		950-6170
	Chính trị và ngoại giao		Tòa xã hội học phòng 506		950-5206
	Xã hội học		Tòa xã hội học phòng 414		950-5218
	Địa lý học		Tòa xã hội học phòng 412		950-5227
	Tâm lý học		Tòa xã hội học phòng 209	310	950-5244
	Thư viện & Khoa học thông tin		Tòa xã hội học phòng 408		950-5236
	Phúc lợi xã hội		Tòa xã hội học phòng 210		950-5251
	Bảo chi và truyền thông		Tòa xã hội học phòng 406		950-5259
Khoa học tự nhiên	Toán học		Tòa khoa học tự nhiên phòng 304	209	950-5306
	Vật lý		Tòa khoa học 1 phòng 101	208	950-5316
	Hóa học		Tòa hóa học phòng 207	407	950-5329
	Khoa học sinh vật học	Chuyên ngành sinh vật học	Tòa sinh vật học phòng 215	217	950-5342
		Chuyên ngành công nghệ sinh học	Tòa công nghệ sinh học phòng 205	207	950-6349
	Khoa học hệ thống trái đất		Tòa khảo học 2 phòng 113	210	950-5354
	Thông kê		Tòa khoa học tự nhiên phòng 404	209	950-5364
Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương		Tòa thương mại công nghiệp quốc tế phòng 105	309	950-5406
	Quản trị kinh doanh		Tòa thương mại công nghiệp quốc tế phòng 317		950-5439
Khoa học kỹ thuật	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới	Chuyên ngành Khoa học Vật liệu & Kỹ thuật Luyện kim	Tòa kỹ thuật số 3 phòng 509	409	950-5559
		chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử	Tòa kỹ thuật số 8 phòng 215	419	950-5631
	Kỹ thuật cơ khí		Tòa kỹ thuật số 3 phòng 311	409	950-5569
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng	Chuyên ngành ứng dụng hóa học	Tòa kỹ thuật số 1 phòng 213	404	950-5581
		Chuyên ngành công nghệ hóa học	Tòa kỹ thuật số 9 phòng 109	406	950-5615
	Kiến trúc		Tòa kỹ thuật số 2 phòng 316	401	950-5590
	Công nghệ phân tử		Tòa kỹ thuật số 9 phòng 119	406	950-5623
	Kỹ thuật hệ thống dệt may		Tòa kỹ thuật số 1 phòng 315	404	950-5638
	Khoa học môi trường		Tòa kỹ thuật số 6 phòng 313	410	950-6580
	Công nghệ năng lượng		Tòa kỹ thuật số 7 phòng 209	411	950-8970
IT	Kỹ thuật điện tử		Tòa kỹ thuật số 1 IT phòng 409	418	950-5506
	Khoa học máy tính		Tòa kỹ thuật số 9 phòng 411	406	950-5550
	Kỹ thuật điện		Tòa kỹ thuật số 8 phòng 308	419	950-5600
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	Khoa học sinh học ứng dụng	chuyên ngành môi trường sinh hóa học	Tòa Đại học Nông nghiệp số 1 phòng 405	201	950-5714
		Chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật	Tòa Đại học Nông nghiệp số 1 phòng 113		950-5706
		Chuyên ngành sinh vật học ứng dụng	Tòa Đại học Nông nghiệp số 2 phòng 209	203	950-5758
	Công nghệ thực phẩm	Chuyên ngành công nghệ sinh học thực phẩm	Tòa Đại học Nông nghiệp số 3 phòng 202	202	950-5772
		Chuyên ngành công nghệ nguyên liệu thực phẩm	Tòa Đại học Nông nghiệp số 3 phòng 328		950-5750
		Chuyên ngành công nghệ ứng dụng thực phẩm	Tòa Đại học Nông nghiệp số 2 phòng 410-1	203	950-7761
	Khố ngành	Khoa (chuyên ngành)		Vị trí	Số tòa nhà
Nghệ thuật	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây	Chuyên ngành lâm nghiệp	Tòa Đại học Nông nghiệp số 1 phòng 416	201	950-5744
		Chuyên ngành kỹ thuật lâm sản	Tòa Đại học Nông nghiệp số 3 phòng 403	202	950-5795
		Chuyên ngành kỹ thuật chăm sóc tạo dáng cây	Tòa Đại học Nông nghiệp số 1 phòng 506	201	950-5779
	Kỹ thuật trồng trọt		Tòa Đại học Nông nghiệp số 1 hòng 350	201	950-5721
	Khoa học đất đai nông nghiệp và đời sống	Chuyên ngành khoa học đất đai môi trường	Tòa Đại học Nông nghiệp số 2 phòng 106	203	950-5730
		Chuyên ngành kỹ thuật cơ khí công nghiệp sinh học	Tòa Đại học Nông nghiệp số 3 phòng 105	202	950-5790
	Khoa học vật liệu và sợi sinh học		Tòa Đại học Nông nghiệp số 2 phòng 309	203	950-5737
	Kinh tế nông nghiệp		Tòa Đại học Nông nghiệp số 3 phòng 512	202	950-5765
	Sư phạm	Âm nhạc		Tòa nghệ thuật phòng 302	120
Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc		Tòa nghệ thuật phòng 405		950-5670	
Mỹ thuật		Tòa Joyeonggan phòng 105		950-5680	
Thiết kế		Tòa Joyeonggan phòng 104-1	119	950-5694	
Hành chính công vụ	Sư phạm ngữ văn Hán		Tòa huấn luyện mới phòng 416	301	950-5821
	Sư phạm sử		Tòa huấn luyện mới phòng 513		950-5848
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em		Tòa Khoa học đời sống phòng 214		950-6210
	May mặc		Tòa Khoa học đời sống phòng 313	307	950-6220
	Dinh dưỡng thực phẩm		Tòa Khoa học đời sống phòng 115		950-6230
Hành chính công vụ			Hành chính công vụ	Tòa luật (tòa nhà cũ) phòng 113	311 950-5474
Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)		Vị trí	Số tòa nhà	Điện thoại (Vui lòng kèm mã vùng mở đầu với 054)
Sinh thái môi trường	Hệ thống sinh thái & môi trường	Chuyên ngành tài nguyên môi trường thực vật	Tòa số 6 phòng 112	06	530-1200
		Chuyên ngành tài nguyên môi trường rừng	Tòa số 6 phòng 417		530-1240
	Môi trường sinh thái & du lịch sinh thái	Sinh học ứng dụng	Tòa số 6 phòng 216	06	530-1210
		Du lịch sinh thái	Tòa nhà chính phòng 207	04	530-1380
	Giải trí và Thể thao		Tòa nhà số 1 phòng 209	01	530-1430
	Tòa nhà số 6 phòng 323				530-1220
	Công nghệ sinh học động vật		Tòa nhà số 6 phòng 426	06	530-1940
	Khoa học động vật hoang dã/ đặc thù/ ngựa		Tòa nhà số 6 phòng 327		530-1950
	Kỹ thuật xây dựng và phòng chống thiên tai	Kỹ thuật phòng chống thiên tai	Tòa nhà số 7 phòng 210	07	530-1250
		Kỹ thuật kiến thiết môi trường	Tòa nhà số 5 phòng 112	05	530-1440
Khoa học kỹ thuật	Kỹ thuật cơ khí chính xác		Tòa nhà số 7 phòng 309	07	530-1270
	Kỹ thuật ô tô	Chuyên ngành kỹ thuật ô tô thân thiện với môi trường	Tòa nhà số 2 phòng 305	02	530-1400
		Loại hình ô tô thông minh	Tòa nhà số 2 phòng 304		530-1136
	Phần mềm		Tòa nhà số 5 phòng 211	05	530-1450
	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm		Tòa nhà số 9 phòng 213	09	530-1300
	Vật liệu Khoa học và kỹ thuật nano	Công nghệ vật liệu mới	Tòa nhà số 2 phòng 104	02	530-1410
		Công nghệ năng lượng hóa	Tòa nhà số 7 phòng 418	07	530-1330
	Hệ thống vệ tinh hàng không	Hệ thống vệ tinh hàng không	Tòa nhà số 8 phòng 311	08	530-1490
		Chuyên ngành hệ thống nhà máy công xưởng	Tòa nhà số 9 phòng 413	09	530-1480
	Kỹ thuật dệt & Thiết kế thời trang	Kỹ thuật dệt	Tòa nhà số 8 phòng 213	08	530-1280
		Thiết kế thời trang	Tòa nhà số 9 phòng 311	09	530-1310



KNU KYUNGPOOK
NATIONAL UNIVERSITY

Office of International Affairs, Kyungpook National University
Daegu, 41566, Republic of Korea